

Số: 05 /2021/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 18 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng
giao thông đường bộ theo chất lượng đối với hệ thống đường tỉnh
và đường huyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015
(sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019);*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020);*

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

*Căn cứ Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Chính
phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông
đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều về quản lý chất lượng, thi công xây dựng
và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 48/2019/TT-BGTVT ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo
trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện và việc
áp dụng hình thức bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 02/TTr-
SGTVT ngày 13 tháng 01 năm 2021 và Báo cáo số 36/BC-SGTVT ngày 17/02/2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng đối với hệ thống đường tỉnh và đường huyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

2. Đối tượng áp dụng bao gồm các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng.

Điều 2. Điều kiện áp dụng đối với hoạt động bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng

1. Áp dụng đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ khi đáp ứng đồng thời các quy định sau:

a) Được đầu tư xây dựng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, đảm bảo chất lượng theo quy định của pháp luật về xây dựng; công trình, hạng mục công trình, thiết bị vận hành khai thác công trình đường bộ chưa hết thời hạn sử dụng theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

b) Được đảm bảo kinh phí thực hiện bảo dưỡng theo tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật.

2. Đối với các gói thầu, hợp đồng có các tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ không đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều này, căn cứ vào tình trạng của từng loại tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và kinh phí được giao, Sở Giao thông vận tải hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định áp dụng hình thức bảo trì theo chất lượng đối với từng tài sản, từng công việc bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; ưu tiên áp dụng hình thức bảo trì theo chất lượng đối với các công việc bảo dưỡng có thể xây dựng tiêu chí chất lượng phù hợp với kinh phí được giao (các công việc quản lý, công việc bảo dưỡng không sử dụng vật liệu, công việc bảo dưỡng hệ thống an toàn giao thông hoặc các công việc bảo dưỡng khác); các công việc bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ còn lại áp dụng hình thức bảo trì theo khối lượng thực tế.

3. Thời gian hợp đồng bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng không quá 05 năm.

Điều 3. Tiêu chí giám sát, nghiệm thu

Tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng bao gồm:

1. Yêu cầu kỹ thuật chất lượng đối với hoạt động bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Quy định về giám sát, nghiệm thu, phương pháp đánh giá, khấu trừ kinh phí hoạt động bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2021 và bãi bỏ các Quyết định sau:

1. Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về bảo dưỡng thường xuyên đường bộ theo chất lượng thực hiện trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Quyết định số 2156/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định tạm thời về bảo dưỡng thường xuyên đường bộ theo chất lượng thực hiện đối với hệ thống đường huyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 5. Quy định chuyển tiếp

Các hoạt động bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng đã tổ chức lựa chọn nhà thầu, đã ký hợp đồng bảo trì trước ngày Quyết định này có hiệu lực, các bên tham gia ký kết hợp đồng có thể thương thảo điều chỉnh lại hợp đồng đã ký phù hợp quy định của Quyết định này.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giao thông vận tải tổ chức thực hiện đối với hệ thống đường tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện đối với hệ thống đường huyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Sở Tài chính tham mưu cơ quan có thẩm quyền phân bổ dự toán từ nguồn duy tu, sửa chữa công trình giao thông (nguồn sự nghiệp kinh tế) để Sở Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện.

3. Kho bạc Nhà nước Cà Mau hướng dẫn và chỉ đạo Kho bạc Nhà nước cấp huyện trong công tác thanh quyết toán theo Quyết định này.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Giao thông vận tải (b/c);
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh (iO);
- UBND các huyện và TP. Cà Mau (iO);
- LĐVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- CV Khối NC-TH;
- Phòng QH-XD (Ng 01/01);
- Lưu: VT, Ktr96/02.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Văn Bi



Phụ lục I


YÊU CẦU KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG BẢO DƯỠNG TẠI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ THEO CHẤT LƯỢNG (Ban hành kèm theo Quyết định số 05 /2021/QĐ-UBND ngày 18/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

1. Công tác quản lý công trình đường bộ

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
1.1	Lập, quản lý hồ sơ và cập nhật hồ sơ tài liệu trong thời gian thực hiện bảo dưỡng công trình	Thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13, Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT và Mục 4.2.1 của Tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng thường xuyên đường bộ TCCS 07:2013/TCĐBVN.	a) Có đủ các hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của hợp đồng; thể hiện đầy đủ, chính xác các số liệu so với hiện trường và quy định; cập nhật, bổ sung những thay đổi của công trình vào hồ sơ, tài liệu. b) Lưu giữ, bảo quản có hệ thống, khoa học, không mất, hư hỏng hồ sơ. Cung cấp hồ sơ, tài liệu kịp thời khi cơ quan quản lý đường bộ (cơ quan ký kết hợp đồng - Bên A) yêu cầu.	a) Các thay đổi công trình đường bộ phải được cập nhật không quá 15 ngày. b) Các nội dung khác: 15 ngày kể từ ngày có thông báo về tồn tại trong công tác này của cơ quan ký hợp đồng.
1.2	Công tác tuần đường	Theo quy định từ mục 1.2 đến mục 1.7, Phụ lục số I của Thông tư số 48/2019/TT-BGTVT ngày 17/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải		
1.3	Đếm xe			
1.4	Quản lý bảo vệ hành lang an toàn đường bộ và kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ			
1.5	Đảm bảo trật tự an toàn giao thông			
1.6	Thực đảm bảo giao thông, xử lý khi có bão, lũ lụt, mưa, sạt lở			
1.7	Kiểm tra, cập nhật số liệu cầu đường			



2. Bảo dưỡng mặt đường¹

TT	 Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
2.1	Đường bê tông nhựa (BTN), láng nhựa			
2.1.1	Vá ổ gà (gồm cả vá mép mặt đường nứt vỡ)	Theo quy định từ mục 2.1.1 đến mục 2.1.6, Phụ lục số I của Thông tư số 48/2019/TT-BGTVT ngày 17/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải		
2.1.2	Vết nứt dọc, nứt ngang đơn lẻ			
2.1.3	Xử lý nứt mai rùa và các dạng nứt dây đặc khác.			
2.1.4	Xử lý lún lõm, đẩy trôi, dồn nhựa, lún vết bánh xe, bong bột và bong tróc			
2.1.5	Sinh lún			
2.1.6	Vệ sinh mặt đường			
2.2.	Đường bê tông cốt thép			
2.2.1	Xử lý khe co, khe giãn và khe dọc	Theo quy định tại các mục 2.2.1, 2.2.2 và 2.2.3, Phụ lục số I của Thông tư số 48/2019/TT-BGTVT ngày 17/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải		
2.2.2	Xử lý vết nứt			
2.2.3	Vệ sinh mặt đường			

¹ Đường đã được sửa chữa định kỳ đúng thời hạn quy định tại Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT và lưu lượng khai thác tích lũy nhỏ hơn tổng lưu lượng theo TCVN 4054:2005

3. Tiêu chí chất lượng hệ thống an toàn giao thông và hệ thống chiếu sáng

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
3.1	Biển báo	Theo quy định tại các mục từ 3.1 đến mục 3.7 và mục 3.9 Phụ lục số I của Thông tư số 48/2019/TT-BGTVT ngày 17/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải		
3.2	Vạch sơn kẻ đường, gờ giảm tốc			
3.3	Cột Km, cọc mốc giải phóng mặt bằng, cọc mốc lộ giới, mốc đất của đường bộ và cọc tiêu			
3.4	Tường hộ lan, tôn sóng			
3.5	Dải phân cách bằng trụ bê tông luồn ống thép, khung lưới thép, trụ dẹt			
3.6	Mắt phản quang, đỉnh phản quang			
3.7	Dải phân cách giữa, đảo giao thông			
3.8	Hệ thống chiếu sáng, đèn tín hiệu giao thông (nếu có)			

4. Tiêu chí chất lượng nền đường, thoát nước

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
4.1	Taluy đắp và taluy đào	Theo quy định tại các mục từ 4.1 đến mục 4.6, Phụ lục số I của Thông tư số 48/2019/TT-BGTVT ngày 17/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải		
4.2	Phát cây, cắt cỏ, tía cành			
4.3	Lề đường			
4.4	Rãnh và các công trình thoát nước có gia cố (gạch, đá, bê tông xi măng)			
4.5	Rãnh và các công trình thoát nước bằng đất tự nhiên			
4.6	Hố thu và cống			



5. Tiêu chí chất lượng cầu và các công trình khác

TT	Hạng mục	Nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng	Mức độ đáp ứng	Thời gian cho phép khắc phục tồn tại
5.1	Công trình có kết cấu bằng thép	Theo quy định tại các mục từ 5.1 đến mục 5.6, Phụ lục số I của Thông tư số 48/2019/TT-BGTVT ngày 17/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải		
5.2	Công trình có kết cấu bê tông, đá xây			
5.3	Khe co giãn cầu, gối cầu, móng trụ cầu			
5.4	Mặt cầu, đường dẫn cầu			
5.5	Kè dẫn hướng, các kết cấu phòng hộ			
5.6	Tường chắn, kè			



Phụ lục II

QUY ĐỊNH VỀ GIÁM SÁT, NGHIỆM THU, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ, KHẤU TRỪ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG BẢO DƯỠNG TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ THEO CHẤT LƯỢNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 05 /2021/QĐ-UBND ngày 18 /02/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

I. QUY ĐỊNH VỀ GIÁM SÁT

1. Căn cứ vào yêu cầu kỹ thuật chất lượng đối với hoạt động bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng được quy định tại Phụ lục I, cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có trách nhiệm tổ chức việc giám sát, nghiệm thu hoạt động bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng của nhà thầu.

2. Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có trách nhiệm cử người thực hiện nhiệm vụ tuần kiểm nhằm kiểm tra, giám sát hoạt động tuần đường và kết quả thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ của nhà thầu. Công tác tuần kiểm được thực hiện kiểm tra trên tuyến đường được giao quản lý ít nhất 01 lần trong tuần. Người thực hiện tuần kiểm phải ghi nội dung kiểm tra và ký xác nhận vào nhật ký tuần đường của nhân viên tuần đường để làm cơ sở cho việc nghiệm thu (kèm theo mẫu nhật ký tuần đường).

II. QUY ĐỊNH VỀ NGHIỆM THU

1. Việc nghiệm thu chất lượng hoạt động bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, thanh toán được thực hiện theo từng quý và phải quy định trong hợp đồng.

2. Các bên tham gia kiểm tra nghiệm thu:

a) Sở Tài chính đối với đường tỉnh hoặc Phòng Tài chính - Kế hoạch đối với đường huyện, chủ đầu tư, đơn vị quản lý dự án và nhà thầu tổ chức nghiệm thu từ ngày 20 đến ngày 30 của tháng cuối quý (3, 6, 9, 12), mỗi quý 01 lần.

b) Các thành viên tham gia nghiệm thu có trách nhiệm chấm điểm đánh giá kết quả thực hiện của nhà thầu trong kỳ nghiệm thu (Nhà thầu tham gia nghiệm thu nhưng không tham gia chấm điểm).

Kết quả nghiệm thu theo từng quý là điểm trung bình cộng của các thành viên tham gia nghiệm thu, làm tròn đến 02 số lẻ thập phân.

c) Người tham gia nghiệm thu chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả thực hiện công việc của mình.

3. Kết quả nghiệm thu được lập thành biên bản, là căn cứ để thanh toán cho nhà thầu bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

4. Việc đánh giá kết quả thực hiện của nhà thầu được xem xét trên cơ sở:

- a) Báo cáo kết quả thực hiện của nhà thầu;
- b) Kết quả kiểm tra nội nghiệp (hồ sơ quản lý bảo trì, hồ sơ đăng ký cầu đường, nhật ký tuần đường, hồ sơ quản lý hành lang an toàn đường bộ và các tài liệu khác), kiểm tra hiện trường.

5. Đối với các tồn tại được xác định khi kiểm tra nghiệm thu, ngoài việc bị khấu trừ kinh phí theo quy định tại Mục IV của Phụ lục này, nhà thầu bảo dưỡng có trách nhiệm tổ chức khắc phục ngay các tồn tại với thời hạn tối đa không quá 10 ngày kể từ khi kiểm tra nghiệm thu. Người thực hiện nhiệm vụ tuần kiểm của cơ quan được giao quản lý tài sản có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận kết quả khắc phục tồn tại của nhà thầu thực hiện công tác bảo dưỡng bằng biên bản; biên bản này là tài liệu để xem xét kết quả nghiệm thu tháng tiếp theo cho nhà thầu.

6. Số tiền thanh toán một quý:

a) Đối với trường hợp không bị khấu trừ quy định tại Mục IV của Phụ lục này, thì được thanh toán 100% giá trị dự toán của kỳ theo hợp đồng. Số tiền thanh toán một quý bằng 1/4 giá trị hợp đồng trong 01 năm hoặc bằng 03 tháng chia cho số tháng trong thời hạn hợp đồng, sau đó nhân giá trị hợp đồng.

b) Trường hợp số điểm đạt từ 50% khung điểm trở lên, đồng thời bị khấu trừ chi phí thanh toán: Số tiền thanh toán một quý bằng số tiền quy định tại điểm a khoản này trừ số tiền bị giảm trừ. Số tiền giảm trừ xác định theo quy định tại khoản 3 Mục IV của Phụ lục này.

7. Căn cứ đặc điểm gói thầu, công trình và quy định tại Quyết định này, cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có trách nhiệm quy định việc đánh giá chất lượng, điểm, phương pháp chấm điểm, giám sát, nghiệm thu và thanh toán trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu khi tiến hành lựa chọn nhà thầu và quy định trong hợp đồng để làm cơ sở cho các bên triển khai thực hiện.

III. HƯỚNG DẪN PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

1. Việc đánh giá kết quả việc thực hiện bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng được thực hiện theo phương pháp chấm điểm. Khung điểm để lựa chọn đánh giá là 100 điểm cho tất cả công việc bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong một hợp đồng, một gói thầu.

2. Nguyên tắc phân bổ điểm của mỗi công việc bảo dưỡng trong khung điểm thực hiện theo phương pháp xác định điểm theo giá trị dự toán chi phí bảo dưỡng được duyệt để xác định điểm cho từng công việc đối với gói thầu áp dụng hình thức bảo trì theo chất lượng:

a) Theo phương pháp này, điểm của mỗi công việc bằng 100 điểm nhân với tỷ số giữa giá trị công việc chia cho giá trị dự toán của gói thầu, cụ thể được xác định như sau:

$$N_i = 100 \times (D_i / TD)$$

Trong đó:

- Ni là điểm số công việc thứ i ($i = 1 - n$, n là tổng số công việc thuộc gói thầu);
- Di là dự toán công việc thứ i;
- TD là tổng dự toán gói thầu được duyệt của các hạng mục, công việc trong gói thầu áp dụng bảo trì theo chất lượng.

Ví dụ 1: Xác định điểm các công việc bảo dưỡng của gói thầu bảo dưỡng đường bộ có giá trị dự toán duyệt là 500 triệu đồng, trong đó có 4 công việc sau: công việc vá ổ gà giá trị trong dự toán là 200 triệu đồng; công việc bảo dưỡng mặt cầu khe co giãn là 100 triệu đồng; công tác nạo vét cống rãnh thoát nước có giá trị bằng 100 triệu đồng; công tác cắt cỏ giá trị dự toán là 100 triệu đồng. Xác định điểm của từng công việc bảo dưỡng trên trong trường hợp không đặt ra ưu tiên đối với các công việc.

Dự toán gói thầu (TD) = (200 + 100 + 100 + 100) tr = 500 triệu.

Căn cứ phương pháp xác định điểm tại điểm a khoản 2 Mục III Phụ lục này xác định điểm của từng hạng mục như sau :

Điểm của hạng mục vá ổ gà = 100 điểm x (200 tr /500 tr) = 40 điểm.

Điểm của hạng mục bảo dưỡng mặt cầu khe co giãn = 100 điểm x (100 tr /500 tr) = 20 điểm.

Điểm của hạng mục nạo vét cống rãnh = 100 điểm x (100 tr /500 tr) = 20 điểm.

Điểm của hạng mục cắt cỏ = 100 điểm x (100 tr /500 tr) = 20 điểm.

(Tổng điểm 4 hạng mục thuộc gói thầu = 40 + 20 + 20 +20 = 100 điểm).

b) Trường hợp gói thầu kết hợp hình thức bảo trì theo chất lượng và bảo trì theo khối lượng thực tế thì chỉ xác định điểm để đánh giá và phân giá trị gói thầu của các công việc áp dụng hình thức bảo trì theo chất lượng theo phương pháp nêu trên.

Ví dụ 2: Gói thầu bảo dưỡng 50 km đường cấp V, mặt đường láng nhựa đã khai thác 11 năm quá thời hạn khai thác theo quy định của tiêu chuẩn thiết kế và quy định tại Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT. Dự toán chi phí quản lý bảo dưỡng cả gói thầu là 4 tỷ đồng, trong đó: Giá trị phần dự toán công tác bảo dưỡng mặt đường là 1,5 tỷ đồng; dự toán bảo dưỡng các nhóm công việc như sau: nhóm bảo dưỡng cầu là 500 triệu, dự toán các công việc bảo dưỡng lề 250 triệu đồng; bảo dưỡng rãnh, cống thoát nước 500 triệu, bảo dưỡng nền đường 250 triệu; bảo dưỡng hệ thống an toàn giao thông 500 triệu; công tác quản lý và tuần đường 250 triệu; cắt cỏ, phát quang 250 triệu.

Gói thầu này được cơ quan có thẩm quyền quyết định áp dụng hình thức bảo trì theo khối lượng đối với công tác bảo dưỡng mặt đường do quá thời hạn khai thác nhưng chưa được sửa chữa định kỳ hoặc cải tạo nâng cấp mặt đường; các hạng mục còn lại áp dụng bảo dưỡng theo chất lượng. Xác định điểm của nhóm công việc áp dụng hình thức bảo trì theo chất lượng.

Bước 1: Xác định tổng giá trị dự toán các hạng mục bảo trì theo chất lượng là: 4 tỷ - 1,5 tỷ = 2,5 tỷ.

Bước 2: Xác định tỷ số giá trị dự toán từng nhóm công việc so với tổng giá trị dự toán các tất cả các công việc bảo trì theo chất lượng thực hiện và điểm của từng hạng mục.

- Tỷ số dự toán hạng mục/tổng dự toán các hạng mục = $D_i/(TD)$ = Dự toán hạng mục/2,5 tỷ .

- Tuyến đường cấp V nên không có hạng mục công việc cần ưu tiên, do đó điểm các hạng mục được tính như sau:

$$\text{Điểm của hạng mục } N_i = 100 \times D_i / TD = 100 \times D_i / 2,5 \text{ tỷ}$$

TT	Nhóm các hạng mục công việc	Dự toán nhóm việc (tỷ đồng)	Giá trị dự toán/Giá trị dự toán	Điểm của các nhóm
1	Bảo dưỡng cầu	0,50	0,2	20
2	Bảo dưỡng lề	0,25	0,1	10
3	Bảo dưỡng rãnh, cống thoát nước	0,50	0,2	20
4	Bảo dưỡng nền đường	0,25	0,1	10
5	Bảo dưỡng hệ thống an toàn giao thông	0,50	0,2	20
6	Các việc quản lý và tuần đường	0,25	0,1	10
7	Nhóm việc cắt cỏ, phát quang.	0,25	0,1	10

Trong trường hợp yêu cầu tính từng công việc cụ thể trong một nhóm công tác bảo dưỡng cũng áp dụng cách xác định như trên để xác định.

c) Trường hợp một số tiêu chí cần thực hiện thuộc công tác quản lý nhưng không được bố trí kinh phí để thực hiện riêng hạng mục đó (như tiêu chí A là “*Lập, quản lý hồ sơ và cập nhật hồ sơ tài liệu trong thời gian thực hiện bảo dưỡng công trình*”, tiêu chí B là “*Đảm bảo trật tự an toàn giao thông*”); trường hợp này điểm của tiêu chí được xác định bằng điểm của tiêu chí tương tự (tiêu chí A bằng điểm của tiêu chí “*Kiểm tra, cập nhật số liệu cầu đường*”, tiêu chí B bằng điểm của tiêu chí của tiêu chí “*Quản lý hành lang an toàn đường bộ và đầu nối*” hoặc tiêu chí “*Trực bảo lự*”).

Ví dụ 3: Điểm của tiêu chí A xác định bằng điểm của tiêu chí “*Kiểm tra, cập nhật số liệu cầu đường*”; trong trường hợp này, khi xác định điểm của tất cả các tiêu chí thì số điểm của tiêu chí “*Kiểm tra, cập nhật số liệu cầu đường*” được nhân 2; sau đó chia 2 để xác định điểm cụ thể của 2 tiêu chí này. Tương tự để xác định điểm của tiêu chí B “*Đảm bảo trật tự an toàn giao thông*” có thể xác định bằng điểm của tiêu chí “*Quản lý hành lang an toàn đường bộ và đầu nối*” hoặc tiêu chí “*Trực bảo lự*” theo phương pháp này.

d) Trường hợp hạng mục công việc có bố trí kinh phí nhưng không có tiêu chí riêng như công tác đăng ký đường, công tác này nằm trong tiêu chí "*Lập, quản lý hồ sơ và cập nhật hồ sơ tài liệu trong thời gian thực hiện bảo dưỡng công trình*", thì kinh phí để thực hiện công tác này được dùng để xác định điểm của tiêu chí "*Lập, quản lý hồ sơ và cập nhật hồ sơ tài liệu trong thời gian thực hiện bảo dưỡng công trình*".

3. Hướng dẫn chấm điểm theo kết quả thực hiện

3.1. Cơ quan được giao quản lý tài sản đường bộ có trách nhiệm quy định cụ thể việc chấm điểm trong các hồ sơ để lựa chọn nhà thầu, đặt hàng (hoặc chỉ định thầu) và trong hợp đồng. Việc xây dựng cách chấm điểm phải căn cứ vào Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này, tính chất và các yêu cầu đối với công việc thuộc gói thầu, yêu cầu của từng tiêu chí trong Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

3.2. Hướng dẫn xây dựng cách chấm điểm: được thực hiện trên cơ sở đánh giá đối với từng tiêu chí chất lượng cụ thể theo nguyên tắc sau:

a) Đối với công tác quản lý, việc đánh giá điểm của từng tiêu chí được xác định theo các mức độ sau:

- Nhà thầu không thực hiện: không cung cấp các tài liệu chứng minh kết quả thực hiện tiêu chí, số điểm chấm là 0 điểm.

- Nhà thầu có thực hiện nhưng để xảy ra từ 03 lỗi trở lên trong các lỗi thì được không quá 25% điểm của tiêu chí. Các lỗi được xác định dựa trên các lỗi của nhà thầu không đáp ứng mức độ yêu cầu, thời gian khắc phục cho phép trong tiêu chí chất lượng của hạng mục công việc, ví dụ: không có hồ sơ quản lý; không kiểm tra; không phát hiện kịp thời các phát sinh, biến động tài sản và tình hình hư hỏng, xuống cấp; không cập nhật diễn biến phát sinh tình trạng công trình; không báo cáo theo quy định; không xử lý tồn tại.

- Nhà thầu có thực hiện nhưng để xảy ra 02 lỗi trong các lỗi trên thì số điểm chấm không quá 50% số điểm tối đa của tiêu chí.

- Nhà thầu có thực hiện nhưng để xảy ra 01 lỗi trong các lỗi trên thì số điểm chấm là 75% số điểm tối đa của tiêu chí.

- Nhà thầu thực hiện đầy đủ các yêu cầu chất lượng: số điểm chấm là 100% số điểm tối đa của tiêu chí.

b) Đối với công tác bảo dưỡng, việc đánh giá điểm của tiêu chí được xác định theo các mức độ sau:

- Nhà thầu không thực hiện: số điểm chấm là 0 điểm.

- Nhà thầu có thực hiện nhưng để xảy ra từ 03 lỗi trở lên trong các lỗi ở phần sau thì đánh giá tối đa 25% số điểm của tiêu chí. Các lỗi được xác định dựa trên các lỗi của nhà thầu không đáp ứng mức độ yêu cầu, thời gian khắc phục cho phép trong tiêu chí chất lượng của từng hạng mục công việc, ví dụ xác định điểm công tác bảo dưỡng thứ i trong kỳ nghiệm thu xác định trên các lỗi:

+ Bảo dưỡng không đầy đủ, vẫn còn tồn tại không đáp ứng mức độ yêu cầu của tiêu chí chưa được xử lý.

+ Bảo dưỡng một số vị trí, bộ phận chưa đúng yêu cầu kỹ thuật chất lượng.

+ Bảo dưỡng không đáp ứng thời gian khắc phục cho phép (trừ trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, thiên tai, bão, động động và bất khả kháng khác mà bảo dưỡng không kịp thời).

+ Không báo cáo, ghi chép và thực hiện các nội dung có liên quan đến bảo dưỡng theo quy định.

+ Không thực hiện hoặc thực hiện nhưng còn nhiều tồn tại đối các quy định khác liên quan đến công tác bảo dưỡng đang xem xét.

+ Không thực hiện các quy định về đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường và các quy định khác khi thực hiện hoạt động bảo dưỡng trong hợp đồng.

- Có thực hiện nhưng để xảy ra 02 lỗi trong các lỗi trên: số điểm chấm là 50% số điểm tối đa của tiêu chí.

- Có thực hiện nhưng để xảy ra 01 lỗi trong các lỗi trên: số điểm chấm là 75% số điểm tối đa của tiêu chí.

- Đáp ứng yêu cầu: thực hiện đầy đủ các yêu cầu chất lượng, số điểm chấm là 100% số điểm tối đa của tiêu chí.

c) Việc xác định lỗi của tiêu chí có thể được xác định trên toàn bộ gói thầu hoặc trên một đoạn tuyến tùy theo tính chất công việc nhưng chiều dài xem xét không nhỏ hơn 20% chiều dài gói thầu. Ví dụ đối với công tác quản lý được xem xét trên toàn bộ gói thầu, đối với công tác bảo dưỡng như bảo dưỡng mặt đường có thể được phân loại theo kết cấu mặt đường, tình trạng khai thác, điều kiện tự nhiên - xã hội của từng đoạn tuyến để phân đoạn đánh giá điểm, nhưng chiều dài của đoạn tuyến để xác định lỗi không nhỏ hơn 20% chiều dài gói thầu.

4. Đối với tài sản hạ tầng giao thông đường bộ là các công trình có quy trình quản lý, vận hành khai thác và bảo trì riêng (cầu lớn) cơ quan quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ có trách nhiệm xây dựng các tiêu chí yêu cầu về chất lượng đối với các hạng mục có trong quy trình riêng của công trình đó nhưng chưa có trong Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

Trường hợp trong quy trình riêng của công trình có yêu cầu cao hơn (về kỹ thuật, chất lượng, về tính kịp thời và các yêu cầu khác) so với quy định của Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này thì không được đưa ra yêu cầu thấp hơn quy trình trong hồ sơ lựa chọn nhà thầu, hợp đồng và quá trình thực hiện.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ chưa được đầu tư xây dựng theo cấp quy định trong hệ thống tiêu chuẩn thiết kế, công trình đường bộ đã hư hỏng xuống cấp nhưng chưa được sửa chữa khôi phục lại theo thiết kế, cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ quyết định áp dụng một phần hoặc toàn bộ các quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này khi xây dựng tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản theo chất lượng.

IV. QUY ĐỊNH VỀ KHẤU TRỪ KINH PHÍ

1. Tổng điểm các tiêu chí nghiệm thu của quý đạt từ 50 điểm trên toàn bộ 100 điểm là đạt mức trung bình trở lên thì được thanh toán trên cơ sở số điểm đạt được so với tổng số điểm. Trường hợp tổng điểm các tiêu chí nghiệm thu của quý đạt dưới 50 điểm thì không được thanh toán.

2. Tỷ lệ tiền được thanh toán của quý (viết tắt là *TTL*) được xác định bằng tổng số điểm đạt được chia cho số điểm của khung 100.

3. Trường hợp trong quý nhà thầu kết quả đánh giá không dưới 50% khung điểm thì tỷ lệ giá trị thanh toán cho nhà thầu là $TTL = \% \text{ số điểm đạt được}$. Tỷ lệ giảm trừ bằng $(1 - TTL) \times 100\%$.

V. QUY ĐỊNH VỀ HỒ SƠ THANH TOÁN

Thành phần hồ sơ thanh toán gồm:

- Biên bản nghiệm thu bảo dưỡng thường xuyên đường bộ theo chất lượng. *(kèm theo mẫu Biên bản)*.
- Bản phụ lục 8b - Thanh toán bảo dưỡng thường xuyên đường bộ theo chất lượng *(kèm theo mẫu Bản phụ lục 8b)*.
- Hợp đồng và Hồ sơ bảo dưỡng thường xuyên được duyệt.

**MẪU NHẬT KÝ TUẦN ĐƯỜNG
BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN ĐƯỜNG BỘ THEO
CHẤT LƯỢNG**
(Kèm theo Phụ lục II)

1. Bìa:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHẬT KÝ TUẦN ĐƯỜNG

Quyển số:

Đơn vị bảo dưỡng thường xuyên và vận hành khai thác công trình đường bộ
.....

Từ Km đến Km ĐT (ĐH).....

Nhân viên tuần đường:

Bắt đầu ngày:/...../.....

Hết quyển ngày:/...../.....

....., năm 20

2. Sổ nhật ký tuần đường gồm 100 trang được đánh dấu từ 1 đến 100 và đóng dấu giáp lai.

Trang đầu (bên trái):

Giờ ngày, tháng kiểm tra	Vị trí, Lý trình, xảy ra phát hiện sự cố, vi phạm	Tình hình thời tiết (nắng, mưa, mù, lũ, bão...) Diễn biến đột xuất, nội dung của các sự cố cầu đường, hoặc vi phạm mới phát hiện (vẽ minh họa vị trí, kích thước cụ thể).
(1)	(2)	(3)

Trang liền kề (bên phải):

Đã giải quyết, xử lý tại chỗ và kết quả	Người nhận báo cáo ghi nhận xét, việc cần lưu ý hàng ngày Ký tên	Ý kiến người thực hiện tuần kiểm	
		Yêu cầu sửa chữa hoặc xử lý vi phạm; hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền	Thời gian hoàn thành
(4)	(5)	(6)	(7)

- Đối với đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ và nhân viên tuần đường thực hiện theo hướng dẫn (mục đích, yêu cầu và nội dung kiểm tra, ghi chép) trong Phụ lục 01 (mẫu nhật ký tuần đường) kèm theo Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT (Lưu ý: nhân viên tuần đường ghi ở các cột (1), (2), (3), (4); lãnh đạo đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ ghi ở cột (5)).

- Đối với tuần kiểm đường bộ: Ghi ở cột (6), (7). Ý kiến xử lý ghi các nội dung sau:

+ Đối với các công việc thuộc trách nhiệm của đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ, người thực hiện nhiệm vụ tuần kiểm ghi yêu cầu đơn vị thực hiện, khắc phục trong thời gian theo quy định.

+ Đối với các vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, người thực hiện nhiệm vụ tuần kiểm ghi nhận quá trình xử lý như: lập biên bản, vận động tuyên truyền đối tượng vi phạm chấp hành các quy định của pháp luật hoặc phối hợp chính quyền địa phương hoặc lực lượng thanh tra giao thông, công an xử lý theo quy định; chỉ đạo đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ thực hiện các biện pháp ngăn chặn, khắc phục hậu quả ban đầu để đảm bảo giao thông theo quy định (nếu cần thiết).

+ Đối với các nội dung tồn tại trong công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ nằm ngoài phạm vi xử lý của đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ, người thực hiện nhiệm vụ tuần kiểm báo cáo người quản lý, sử dụng công trình đường bộ xử lý theo quy định.

MẪU BIÊN BẢN NGHIỆM THU
BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN ĐƯỜNG BỘ THEO
CHẤT LƯỢNG
(Kèm theo Phụ lục II)

1. Tên tuyến đường: ...

2. Địa điểm: ...

3. Thành phần tham gia nghiệm thu:

a. Đại diện Chủ đầu tư:

Ông (bà): - Chức vụ:

b. Đại diện Đơn vị quản lý dự án:

Ông (bà): - Chức vụ:

c. Đại diện Sở Tài chính đối với đường tỉnh (hoặc Phòng Tài chính - Kế hoạch đối với đường huyện):

Ông (bà): - Chức vụ:

d. Đại diện Nhà thầu:

Ông (bà): - Chức vụ:

4. Thời gian nghiệm thu:

- Bắt đầu: giờ phút, ngày tháng ... năm ...

- Kết thúc: giờ phút, ngày tháng ... năm ...

5. Căn cứ nghiệm thu:

- Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng;

- Quyết định quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng.

- Hợp đồng hoặc biên bản đàm phán hợp đồng;

- Hồ sơ bảo dưỡng thường xuyên đã được thẩm định, phê duyệt (bao gồm đơn giá và tiêu chí đánh giá);

- Kiểm tra nội nghiệp, kiểm tra huện trường ...

6. Kết quả nghiệm thu:

TT	Tiêu chí	Kết quả thực hiện	Các lỗi trong thời gian thực hiện		Điểm theo Hợp đồng	Điểm đánh giá	Ghi chú
			Nội dung	Tổng số lỗi			
1	Công tác quản lý công trình đường bộ						
1.2	Công tác tuần đường	Nếu Nhà thầu thực hiện đầy đủ các yêu cầu chất lượng thì ghi là “Đáp ứng yêu cầu”. Trường hợp để xảy ra lỗi thì ghi là “Cơ bản đáp ứng yêu cầu” hoặc “Không đáp ứng yêu cầu”, nội dung các lỗi ghi vào cột “Các lỗi trong thời gian thực hiện”.	Đánh giá theo mức độ đáp ứng và thời gian cho phép khắc phục tồn tại trong Phụ lục I				
1.3	Đếm xe						
.....							
2	Bảo dưỡng mặt đường						
2.1	Vá ổ gà (gồm cả vá mép mặt đường nứt vỡ)	Đánh giá theo nội dung yêu cầu kỹ thuật, chất lượng và mức độ đáp ứng trong Phụ lục I					
....							

7. Ý kiến của thành phần tham gia nghiệm thu:

.....

.....

**ĐẠI DIỆN SỞ TÀI CHÍNH CẤP TỈNH (HOẶC PHÒNG
TÀI CHÍNH – KẾ HOẠCH ĐỐI VỚI CẤP HUYỆN)****ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ****ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU****ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ QUẢN LÝ DỰ ÁN**

[illegible]

1. Giá trị hợp đồng ban đầu/ Tổng giá trị khối lượng phát sinh so với hợp đồng ban đầu:	đồng
2. Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:	đồng
3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:	đồng
4. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này:	đồng
5. Thanh toán để thu hồi tạm ứng:	đồng
6. Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này:	đồng
<i>Số tiền bằng chữ:</i>		
7. Lũy kế giá trị thanh toán	đồng

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

Ngày..... tháng năm

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ